

Bản án số: 53/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23- 9- 2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Ánh Đào**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Hoàng Bá**– Phó Chủ tịch MTTQ huyện Vĩnh Thạnh;
2. Bà **Ngô Thị Phương Trang**– Nguyên cán bộ huyện đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Văn Hạnh**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Khổng Phúc Vĩnh Nhật**- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2022/QĐXX- HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Lệ T**, sinh ngày 05/7/1979. Có mặt.

Địa chỉ: Khu vực T, phường T, quận T, thành phố C.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Chí T**, sinh ngày 06/4/1982. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện V, thành phố C.

Chỗ ở hiện nay: Khu vực T, phường T, quận T, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ T trình bày và yêu cầu: Bà và ông Nguyễn Chí T do tự quen biết, cùng yêu thương và tự nguyện tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào ngày 05/5/2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố C vào ngày 14/01/2011. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn hôn nhân không hạnh phúc đến khoảng năm 2021 thì sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do tình cảm vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, ông T còn ham chơi cùng bạn bè, sống vô tâm với gia đình, không chăm lo cho vợ con chu toàn dẫn

đến vợ chồng thường xuyên cự cãi. Trong thời gian ly thân, cả hai không gặp nhau, không có biện pháp hàn gắn tình cảm, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T. Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Ngọc Nhã U, sinh ngày 12/6/2011 và Nguyễn Hoàng Minh Q, sinh ngày 06/7/2013. Hiện cả hai con đang sống với bà T. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu U, đồng ý giao cháu Q cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, riêng và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Chí T trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án trình bày như sau: Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về hôn nhân, về con chung cũng như về tài sản chung, riêng và nợ chung, thời gian ly thân cũng như nguyên đơn mâu thuẫn. Nay qua yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý vì còn thương vợ và con. Trường hợp ly hôn, bị đơn xin nuôi dưỡng cháu Q và đồng ý giao cháu U cho bà Thủy nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Nhã U, sinh ngày 12/6/2011 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Hoàng Minh Q, sinh ngày 06/7/2013 cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Lệ T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Chí T nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp ly hôn. Bị đơn ông T có nơi cư trú tại ấp V, xã V, huyện V, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc vắng mặt đương sự: Ông T vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T là có cơ sở.

[2] Về nội dung

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T có đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân

giữa ông bà không hạnh phúc. Nguyên nhân chính là do tình cảm gia đình, ông bà không cùng nhau thông cảm chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống, ông T thì không chăm lo được chu toàn cho vợ con dẫn đến ngày càng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài, thường xuyên cự cãi. Nên bà và ông T đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Từ khi ly thân cả hai không gặp nhau cũng như không có biện pháp hàn gắn tình cảm, cho thấy hôn nhân giữa ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông T theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình là có cơ sở.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông T có hai con chung là Nguyễn Ngọc Nhã U, sinh ngày 12/6/2011 và Nguyễn Hoàng Minh Q, sinh ngày 06/7/2013. Từ khi ly thân đến nay hai cháu sống với bà T. Khi ly hôn, ông bà thống nhất giao cháu U cho bà Thủy nuôi dưỡng, giao cháu Q cho ông T nuôi dưỡng, ông bà không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét về vấn đề nuôi con: Việc giao con cho ai nuôi phải xem xét quyền lợi mọi mặt của con, từ khi ly thân đến nay hai con do bà Thủy trực tiếp nuôi dưỡng. Nhưng hiện tại bà T đồng ý giao cháu Q cho ông T nuôi dưỡng. Xét để tạo điều kiện trong sinh hoạt và ổn định tâm lý cho hai con nên cần chấp nhận yêu cầu của bà T về việc tiếp tục giao cháu U cho bà T nuôi dưỡng. Giao cháu Q cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và Gia đình là phù hợp.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án ông bà tự nguyện nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu đối phương phải cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của ông bà nên Hội đồng xét xử chấp nhận căn cứ vào các Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và Gia đình là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với quy định nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9, 53, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ T đối với bị đơn ông Nguyễn Chí T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Lệ T được ly hôn với ông Nguyễn Chí T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Nhã U, sinh ngày 12/6/2011 cho bà Nguyễn Thị Lệ T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Hoàng Minh Q, sinh ngày 06/7/2013 cho ông Nguyễn Chí T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị Lệ T và ông Nguyễn Chí T không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Lệ T và ông Nguyễn Chí T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người nuôi con.

3. Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu. Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Lệ T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006255 ngày 13/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ. Công nhận bà T đã nộp và chi xong.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND h. Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS h. Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- UBND P. Trung Nhứt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Huỳnh Thị Ánh Đào

